TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - CẦN THƠ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 142/2026/HNGĐ-ST
Ngày 18-5-2026
V/v Tranh chấp ly hôn và nuôi dưỡng con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thái Minh Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Tấn Thiện.

2. Bà Võ Thị Kim Son.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Võ Tường Vy – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cần Thơ.

Ngày 18 tháng 5 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 176/2026/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2026 về việc *"Tranh chấp ly hôn và nuôi dưỡng con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 578/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 403/2026/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim Đ, sinh năm 1989. Có mặt

Địa chỉ: Ấp T, xã T, thành phố Cần Thơ

Bị đơn: Ông Trần Quốc D, sinh năm 1991. Vắng mặt

Địa chỉ: Số G, ấp T, xã T, thành phố Cần Thơ

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 23 tháng 02 năm 2026 và trong quá trình giải quyết nguyên đơn – bà Nguyễn Thị Kim Đ trình bày:*

Bà và ông Trần Quốc D tự nguyện tìm hiểu và tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, thành phố Cần Thơ vào ngày 20/9/2018. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do không có tiếng nói chung, vợ chồng thường xuyên gây cãi. Xét thấy việc sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm không thể hàn gắn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Trần Quốc D.

Về con chung: Qúa trình chung sống, bà và ông Trần Quốc D có 02 con chung là cháu Trần Nguyễn Ánh D1 (nữ), sinh ngày 31/8/2013 và cháu Trần

Nguyễn Hải Đ1 (nam), sinh ngày 24/02/2020. Sau khi ly hôn, bà thống nhất giao cháu Ánh D1 cho ông D trực tiếp nuôi dưỡng, bà yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Hải Đ1. Bà và ông D không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu được ly hôn với ông Trần Quốc D; Về con chung: Sau khi ly hôn, bà thống nhất giao cháu Ánh D1 cho ông D trực tiếp nuôi dưỡng, bà yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Hải Đ1. Bà và ông D không ai phải cấp dưỡng nuôi con .

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cần Thơ nhận định.

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Ông Trần Quốc D được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không lý do nên Tòa án áp dụng Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt ông D là phù hợp quy định của pháp luật.

[2] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền thụ lý vụ án*: Căn cứ vào đơn khởi kiện ngày 23 tháng 02 năm 2026, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Trần Quốc D và yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung nên xác định đây là loại kiện "tranh chấp ly hôn và nuôi dưỡng con chung" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do bị đơn có địa chỉ cư trú tại xã T, thành phố Cần Thơ nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cần Thơ theo quy định tại khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn*:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Đ và ông D tự nguyện tiến đến hôn nhân có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, thành phố Cần Thơ vào ngày 20/9/2018 nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Qúa trình chung sống, bà Đ cho rằng do vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông D. Hội đồng xét xử xét thấy, ông D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không lý do, điều đó chứng tỏ ông D không tha thiết đoàn tụ, mâu thuẫn giữa ông D và bà Đ đã thật sự trầm trọng, thiết nghĩ một bên đã

không còn tha thiết gì với cuộc hôn nhân này và đã khẳng định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu tiếp tục duy trì hôn nhân cũng không mang lại hạnh phúc nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Đ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.2] Về con chung: Bà Đ và ông D có 02 con chung là cháu Trần Nguyễn Ánh D1 (nữ), sinh ngày 31/8/2013 và cháu Trần Nguyễn Hải Đ1 (nam), sinh ngày 24/02/2020. Hiện tại, cháu Ánh D1 đang sống cùng ông D, cháu Hải Đ1 đang sống cùng bà Đ. Cháu Ánh D1 có bản tự khai thể hiện nguyên vọng được sống với cha, bà Đ cũng có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hải Đ1 và thống nhất giao cháu Ánh D1 cho ông D nuôi dưỡng. Do đó, để tránh làm xáo trộn cuộc sống của cháu Ánh D1 và cháu Hải Đ1 nên giao cháu Ánh D1 cho ông D tiếp tục nuôi dưỡng và giao cháu Hải Đ1 cho bà Đ tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

[3.3] Về mức cấp dưỡng nuôi con: Bà Đ không yêu cầu ông D cấp dưỡng và cũng không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét. Tuy nhiên, vì lợi ích mọi mặt của cháu Ánh D1 và cháu Hải Đ1, các bên có quyền làm đơn xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

[3.4] Về tài sản chung: Bà Đ xác định là không có tài sản chung và do xét xử vắng mặt ông D nên không đặt ra xem xét.

[3.5] Về nợ chung: Bà Đ xác định là không có nợ chung và do xét xử vắng mặt ông D nên không đặt ra xem xét.

Trường hợp sau này có phát sinh tranh chấp về tài sản chung, nợ chung sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

[4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Đ phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim Đ.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Kim Đ và ông Trần Quốc D.

2. *Về con chung*: Giao cháu Trần Nguyễn Ánh D1 (nữ), sinh ngày 31/8/2013 cho ông Trần Quốc D trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Trần Nguyễn Hải Đ1 (nam), sinh ngày 24/02/2020 cho bà Nguyễn Thị Kim Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Trần Quốc D và bà Nguyễn Thị Kim Đ không phải cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung cho ông Trần Quốc D và bà Nguyễn Thị Kim Đ, không ai được quyền cản trở. Vì lợi ích mọi mặt của cháu Ánh D1 và cháu Hải Đ1, các bên có quyền làm đơn xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

3. *Về tài sản chung, nợ chung*: Không đặt ra xem xét. Trường hợp sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

4. *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*: Bà Nguyễn Thị Kim Đ phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) bà Đ đã nộp theo biên lai thu số 0004194 ngày 05 tháng 3 năm 2026 tại Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

5. *Về quyền kháng cáo:* Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa nên có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nên có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND Khu vực 3 – Cần Thơ;
- Phòng THADS Khu vực 3 – Cần Thơ;
- UBND xã Thới Lai, thành phố Cần Thơ;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thái Minh Ngọc